

Số: 756 /QĐ-UBND

Huế, ngày 28 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Nghị quyết số 175/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương;
Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Căn cứ Nghị quyết 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Căn cứ Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận số 182-KL/TU ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVII tại kỳ họp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố về việc phê duyệt các nội dung quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần điều chỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố về việc phê duyệt dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1603/TTr-STC ngày 27 tháng 02 năm 2026 về hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định và Báo cáo tiếp thu giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 của Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Sửa đổi, bổ sung mục I như sau:

“I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Vùng đất bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của thành phố Huế với tổng diện tích tự nhiên trên đất liền 4.947,11 km² bao gồm 40 xã, phường. Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp tỉnh Quảng Trị và nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào; phía Nam giáp thành phố Đà Nẵng; phía Bắc giáp tỉnh Quảng Trị.

2. Vùng biển ven bờ của thành phố Huế: Vùng biển ven bờ có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách tương ứng là 06 hải lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung mục II như sau:

“II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Quan điểm phát triển

a) Cập nhật đầy đủ các chủ trương, chiến lược của Đảng và Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên tục và kế thừa giữa các cấp quy hoạch quốc gia, vùng và địa phương; phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, mục tiêu chung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ, đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế, vị trí địa kinh tế chiến lược của thành phố và phát huy tốt vai trò kết nối vùng.

b) Phát triển toàn diện, nhanh và bền vững trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, vị thế mới thành phố Huế trực thuộc trung ương. Đổi mới mô hình tăng trưởng, chú trọng phát triển theo chiều sâu, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng năng suất lao động làm động lực chủ yếu; phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn làm định hướng cốt lõi, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

c) Tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội tối ưu, tạo thêm các không gian phát triển mới, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính mới, với xu thế tổ chức sản xuất mới, xu thế đô thị hóa và phát huy được những lợi thế của thành phố Huế, tạo ra các động lực mới: khai thác và phát huy giá trị di sản; phát triển vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai; phát huy vai trò động lực Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô; phát triển trung tâm logistics quốc tế, khu thương mại tự do gắn với Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và cảng nước sâu Chân Mây; kinh tế tri thức với mũi nhọn là công nghiệp công nghệ cao, đô thị sáng tạo - khởi nghiệp. Không gian phát triển thể hiện được vai trò thành phố Huế, cùng với thành phố Đà Nẵng – 2 đô thị cấp quốc gia của vùng động lực miền Trung; bảo đảm tính kết nối không gian vùng, với các địa phương trong vùng Bắc Trung bộ, vùng động lực miền Trung, cả nước và quốc tế; khai thác có hiệu quả lợi thế địa kinh tế của thành phố Huế gắn với các trung tâm về văn hóa, du lịch; y tế chuyên sâu; giáo dục và đào tạo; khoa học công nghệ của vùng và cả nước.

d) Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; phát triển nông thôn mới toàn diện, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên; chú trọng bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Phát huy tối đa nhân tố con người, con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người là nền tảng, động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển; xây dựng biên

giới hòa bình và hợp tác phát triển; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, thành phố Huế có mô hình quản trị đô thị hiện đại; thành phố Festival, đô thị đặc trưng về di sản, văn hoá của Việt Nam; trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước; trung tâm sáng tạo dựa trên di sản, phát triển mạnh kinh tế di sản và công nghiệp văn hóa; phát triển bền vững trên nền tảng kinh tế xanh, kinh tế số, quốc phòng, an ninh được đảm bảo vững chắc; đời sống vật chất và tinh thần người dân đạt mức cao.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) khoảng 10 - 11%/năm. Cơ cấu tổng sản phẩm: dịch vụ chiếm 47 - 49%; công nghiệp và xây dựng 36 - 38%; nông nghiệp 7 - 8% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 7,5 - 8,5%. Tổng sản phẩm bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 6.000 USD. Đóng góp vào GRDP một số lĩnh vực kinh tế quan trọng: kinh tế số khoảng 30%, kinh tế vùng biển và đàm phá khoảng 45 - 50%; mức đóng góp năng suất của các nhân tố tổng hợp (TFP) trên 55%. Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư thực hiện bình quân 10 - 11%/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt 10- 11%/năm. Tốc độ tăng trưởng thu ngân sách bình quân 14 - 15%/năm. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 10 - 12%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 75%. Thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và Chỉ số chuyển đổi số (DTI).

- Về xã hội: Tỷ lệ tăng dân số bình quân đạt 1,38%/năm; đến năm 2030 dân số toàn thành phố đạt khoảng 1,3 - 1,35 triệu người. Diện tích nhà ở bình quân đầu người khoảng 33 m² sàn/người. Có 19 - 20 bác sĩ/vạn dân và 100 giường bệnh/vạn dân. Duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) ở nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 93%. Đến năm 2030, cơ bản không còn hộ nghèo. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 75 - 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50 - 55%. Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 89,5% (17/19 xã); có 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Về văn hóa: Bảo tồn và phát huy di sản bền vững 100% di sản và khu vực di sản trọng điểm có kế hoạch/quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy đồng bộ.

- Về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng duy trì khoảng 57,3%. Tỷ lệ cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt toàn thành phố đạt 100%. Tỷ lệ

chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt gần 100%. Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đạt trên 60% tại các khu đô thị tập trung và trên 50% tại các địa phương. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động (có nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng: Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, trong đó hình thành mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông kết nối đa phương thức bao gồm các trục giao thông đường bộ Bắc - Nam, Đông - Tây, cảng biển, cảng hàng không, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam qua thành phố Huế. Phát triển hạ tầng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió, điện khí,...), hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng đô thị, nhất là đô thị khu vực ven biển, đầm phá, hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, các hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về quốc phòng, an ninh: Bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, quyền, chủ quyền biển; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Thành phố Huế kiến tạo và đổi mới với đặc trưng văn hóa, di sản, xanh, bản sắc Huế, thông minh, hướng biển, thích ứng và bền vững; là đô thị lớn thuộc nhóm có trình độ phát triển kinh tế ở mức cao và chất lượng sông hàng đầu của cả nước; thành phố Festival, trung tâm văn hóa - du lịch, giáo dục, khoa học công nghệ và y tế chuyên sâu của cả nước và châu Á; là điểm đến an toàn, thân thiện, hạnh phúc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong thời kỳ quy hoạch

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thiện mô hình quản trị đô thị trực thuộc Trung ương trên nền tảng văn hoá, di sản văn hoá thông minh với vị thế 04 trung tâm của vùng và cả nước.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, chú trọng phát triển hạ tầng đô thị, hạ tầng số, hạ tầng giao thông chiến lược, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Cơ cấu lại kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn, phù hợp với xu thế chung của thế giới và gắn với không gian phát triển mới. Tập trung phát triển các ngành kinh tế biển, kinh tế di sản; phát triển mạnh một số ngành công nghiệp mới như công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp ô tô, thép xanh và chuỗi công nghiệp phụ trợ kèm theo; dịch vụ tài chính, thương mại, logistics, du lịch. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; hình thành các trung tâm nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ mới như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), năng lượng sạch.

- Phát triển các hành lang kinh tế: hành lang kinh tế Bắc – Nam, hành lang kinh tế Đông – Tây, trong đó chú trọng phát triển hành lang đô thị hướng biển. Khai thác lợi thế đặc trưng vùng đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô và khu vực ven biển trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước, hình thành đô thị ven biển đầm phá mang tầm quốc tế.

- Phát triển kinh tế quốc tế trong các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên phát triển hạ tầng phục vụ hội nhập; khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên và môi trường đảm bảo thích ứng biến đổi khí hậu; gắn phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh.

b) Các khâu đột phá

- Phát triển hệ thống đô thị đặc trưng về di sản kết hợp đô thị hiện đại, thông minh gắn với vị thế 04 trung tâm của vùng và cả nước; thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung khai thác tối đa lợi thế về di sản, ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế di sản gắn với du lịch, đưa di sản vào hoạt động phát triển dịch vụ.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, tập trung vào hạ tầng giao thông đối ngoại, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm hệ thống cảng biển, cảng hàng không; hạ tầng khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhất là trong một số ngành như: công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin, kỹ thuật điện tử và công nghệ kỹ thuật số, y tế, văn hóa, nghệ thuật đặc thù, bảo tồn di sản.

- Phát triển bền vững kinh tế biển, đầm phá; xây dựng thành phố Huế trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước, là cực tăng trưởng, động lực phát triển của vùng động lực miền Trung với hệ thống cảng biển nước sâu Chân Mây đồng bộ, hiện đại gắn với phát triển chuỗi khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị biển - đầm phá Tam Giang - Cầu Hai đặc sắc của khu vực. Ứng dụng khoa học - công nghệ vào ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát huy vai trò động lực Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô; đẩy nhanh tăng trưởng công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp sản xuất điện từ nguồn năng lượng xanh (LNG, năng lượng tái tạo,...); ưu tiên thu hút các dự án lớn sử dụng công nghệ cao, kết nối chuỗi sản xuất. Phát triển dịch vụ logistics có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm; sớm hình thành Trung tâm dịch vụ logistics quốc tế, Khu thương mại tự do.

- Phát triển công nghiệp văn hoá, chuyển hóa không gian di sản trở thành nguồn lực, động lực tăng trưởng mới. Phát triển không gian đô thị văn hóa, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, giải trí trên nền tảng chuyển đổi số và các ngành kinh tế sáng tạo; phát triển kinh tế di sản trở thành ngành kinh tế quan trọng; bồi đắp, phát huy giá trị con người xứ Huế làm nền tảng và nguồn lực phát triển bền vững.”.

3. Sửa đổi, bổ sung mục III như sau:

a) Bổ sung một số nội dung điểm a, b, d và đ khoản 1 như sau:

“1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Ngành dịch vụ

Phát triển ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, kinh tế số và mô hình dịch vụ mới, là động lực quan trọng của tăng trưởng.

Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành du lịch, y tế, giáo dục, logistics, thương mại, tài chính – ngân hàng. Phát triển thành phố Huế trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế, sớm hình thành Khu thương mại tự do gắn với cảng biển Chân Mây, cảng hàng không quốc tế Phú Bài.

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ số và thương mại điện tử; thu hút các nhà đầu tư chiến lược có vai trò dẫn dắt tại trung tâm thành phố Huế, đồng thời hỗ trợ phát triển mạng lưới doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh tại khu vực nông thôn. Tăng cường đầu tư hạ tầng thương mại (chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại, sàn giao dịch số) gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và trục Đông – Tây qua cửa khẩu Hồng Vân - Cô Tài, đáp ứng vận chuyển hàng hóa nội vùng, liên vùng và xuất nhập khẩu.

Phát triển dịch vụ y tế trở thành ngành kinh tế, ưu tiên phát triển y tế khám chữa bệnh gắn với du lịch, y tế gia đình, y tế ngoài công lập, chăm sóc người cao tuổi; nâng cao vị thế trung tâm y tế chuyên sâu của vùng, cả nước, khu vực Đông Nam Á và Quốc tế.

Các dịch vụ chất lượng cao khác: Đẩy mạnh phát triển dịch vụ giáo dục - đào tạo, tài chính - ngân hàng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, công nghệ số,... xứng tầm là một trong những trung tâm của Vùng và cả nước, từng bước hình thành các trung tâm dịch vụ tổng hợp có sức lan tỏa trong khu vực Bắc Trung Bộ và liên kết chặt chẽ với các vùng lân cận.

b) Ngành công nghiệp

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, tạo giá trị gia tăng nâng cao sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu chuỗi giá trị toàn cầu: (1) Công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn; (2) Công nghiệp phụ trợ; (3) Công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (4) Công nghiệp cơ khí và sản xuất lắp ráp ô tô; (5) Công nghiệp sản xuất vật liệu mới (tập trung chế biến sâu và sử dụng sản phẩm chế biến sâu cát thạch anh) để sản xuất sản phẩm mới; (6) Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và dược liệu; (7) Công nghiệp văn hóa và công nghiệp hỗ trợ du lịch.

Xây dựng một số cụm liên kết ngành công nghiệp quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế dọc hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông và các hành lang kinh tế Đông - Tây, gắn với khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, các khu công nghiệp (La Sơn, Phú Bài, Phong Điền), nâng tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp vào GRDP đạt khoảng 28 - 30%.

Thu hút đầu tư sản xuất ô tô và công nghiệp phụ trợ, luyện kim, thép xanh, cơ khí chế tạo, phát triển đóng mới, sửa chữa tàu biển gắn với các cảng nước sâu Chân Mây; chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu, vật liệu xây dựng và dệt may, da giày phù hợp lợi thế địa phương.

d) Phát triển kinh tế biển và đầm phá

Phát triển kinh tế biển nhanh, bền vững, từng bước hình thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước. Tập trung vào các ngành dịch vụ, trung tâm logistics, du lịch biển, kinh tế hàng hải; phát triển các đô thị ven biển, đầm phá; nuôi trồng, khai thác và chế biến hải sản đi đôi với bảo vệ môi trường biển; phát triển công nghiệp ven biển, chú trọng năng lượng điện khí LNG, gắn với phát triển hệ thống cảng biển. Phấn đấu nâng tỷ trọng đóng góp của vùng biển và đầm phá lên khoảng 45-50% GRDP của thành phố, trở thành động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển.

đ) Phát triển kinh tế di sản gắn với du lịch và công nghiệp văn hoá

Kinh tế di sản là động lực quan trọng để bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Chuyển hoá không gian di sản trở thành động lực tăng trưởng mới, kiến tạo, khơi thông nguồn lực cho phát triển văn hoá. Phát triển công nghiệp văn hóa trở thành các ngành kinh tế quan trọng, đóng góp 10% GRDP, tập trung vào các ngành có lợi thế: du lịch văn hóa; âm nhạc, điện ảnh; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; thời trang (áo dài), ẩm thực di sản; thủ công mỹ nghệ; phần mềm và các trò chơi giải trí; quảng cáo; thiết kế sáng tạo. Chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa – di sản; đổi mới và sáng tạo các sản phẩm gắn với di sản, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp công nghiệp văn hoá, nghệ thuật sáng tạo.

Phát triển kinh tế di sản, đặc biệt chú trọng liên kết Quần thể di tích Cố đô Huế với hệ thống di sản thế giới trong nước và quốc tế. Hình thành các bảo tàng chuyên đề, khu phố chuyên đề, khu phố đêm tại khu vực xung quanh Đại Nội, phố cổ Bao Vinh, Chi Lăng; phát triển sản phẩm trải nghiệm đặc sắc như thuyền trên sông Hương và hệ thống kênh khu vực Nội thành, nghệ thuật biểu diễn, lễ hội, ẩm thực, giải trí; gắn phát triển kinh tế đêm với công nghiệp văn hoá (biểu diễn nghệ thuật, lễ hội, điện ảnh, nghệ thuật truyền thống, ẩm thực, giải trí,...) thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, nâng cao năng lực sản phẩm văn hóa.

Tập trung hoàn thiện thể chế, quy chuẩn quản lý không gian di sản; đầu tư hạ tầng thiết yếu, chỉnh trang đô thị và xây dựng dữ liệu số; nâng cao chất lượng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Y tế và chăm sóc sức khoẻ

Xây dựng, phát triển Thành phố Huế trở thành trung tâm y tế chuyên sâu của cả nước, khu vực Đông Nam Á và Quốc tế. Phát triển hệ thống y tế tuyến

trung ương và y tế ngoài công lập đầu tư đồng bộ với cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, kỹ thuật cao và đội ngũ nhân lực y tế chất lượng cao gắn với hệ thống y tế địa phương vững mạnh ngang tầm khu vực, quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc, y học cổ truyền; phát triển hệ thống y tế thông minh; phát triển mạng lưới hệ thống y tế cơ sở, phát triển hệ thống khám chữa bệnh tư nhân, mô hình bác sĩ gia đình; kiện toàn, nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng chống dịch bệnh.

Đổi mới, nâng cao hệ thống quản lý, kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế.

Tổ chức hệ thống trạm y tế cấp xã phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ở từng khu vực, địa bàn. Phấn đấu đến năm 2030 trạm y tế xã có đủ năng lực đảm nhận vai trò là cấp chăm sóc ban đầu, có chức năng tiếp nhận, sàng lọc và chuyển tuyến người bệnh kịp thời.

Thu hút phát triển công nghiệp dược, sản xuất, chế tạo thiết bị, vật tư y tế, tạo động lực thúc đẩy phát triển ngành y tế trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương.

Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số y tế toàn diện. Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu y tế bảo đảm tiêu chuẩn kết nối, chia sẻ và liên thông đồng bộ. Vận hành hiệu quả sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử; kết nối đồng bộ, quản lý dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời.”.

c) Bổ sung một số nội dung điểm b, c và d khoản 2 như sau:

“b) Giáo dục và đào tạo

Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo. Đổi mới mô hình trường chuyên để tập trung ươm tạo nhân tài quốc gia. Triển khai phương pháp giáo dục STEM/STEAM, tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông nội trú liên cấp miền núi (tiểu học và trung học), phổ thông dân tộc nội trú, hệ thống trường mầm non, phổ thông. Hình thành một số cơ sở giáo dục nghề chất lượng cao. Phát triển hệ sinh thái, các trường Đại học gắn với các cơ sở Viện/Trung tâm nghiên cứu/các cơ sở đào tạo nghề với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước và quốc tế.

c) Văn hoá, thể thao và bảo tồn di sản văn hoá

Phát triển không gian văn hóa (Trung tâm biểu diễn nghệ thuật, Không gian sáng tạo, Thư viện, Bảo tàng chuyên đề); phát triển chuỗi không gian văn hóa cộng đồng tại các khu đô thị mới giảm tải cho khu vực lõi di sản. Phát huy vai trò các danh thắng thiên nhiên gắn liền với lịch sử - văn hóa (sông Hương, núi Ngự Bình, đồi Vọng Cảnh, núi Bân).

Đầu tư đồng bộ hệ thống thiết chế thể thao thành tích cao và thể thao quần chúng.

d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính trong quá trình xác lập mô hình tăng trưởng mới. Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn (công nghệ thông tin và truyền thông; công nghệ sinh học; cơ khí chính xác, tự động hoá; công nghiệp công nghệ cao; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các ngành dịch vụ) nhằm hiện thực hoá mục tiêu giảm phát thải ròng của quốc gia về “0” vào năm 2050.”.

4. Sửa đổi, bổ sung mục IV như sau:

“IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương án phân vùng

Gồm 06 phân vùng:

- Vùng di sản là khu vực tập trung các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch và bảo tồn di sản. Định hướng phát triển kinh tế di sản, kinh tế đêm, thương mại truyền thống.

- Vùng trung tâm là nơi tập trung các dự án đô thị mới, khu đô thị sáng tạo, các đầu mối chiến lược như Cảng hàng không Phú Bài và ga đường sắt cao tốc Phú Mỹ, trung tâm hành chính, kinh tế, dịch vụ của thành phố. Định hướng phát triển kinh tế tri thức: tài chính, ngân hàng, fintech, giáo dục, y tế chuyên sâu, công nghệ thông tin.

- Vùng phía Bắc là khu vực tập trung các hoạt động công nghiệp, năng lượng và khai khoáng gắn với mỏ cát thạch anh silicat gắn với khu công nghiệp Phong Điền. Định hướng phát triển: điện mặt trời; công nghiệp chế biến thủy hải sản, silicat, dệt may; công nghiệp nhẹ; nông nghiệp công nghệ cao.

- Vùng Chân Mây – Lăng Cô là trung tâm kinh tế biển, tập trung các hoạt động công nghiệp, logistics và du lịch gắn với biển và cảng biển nước sâu, nằm trong khu vực xã Chân Mây – Lăng Cô. Định hướng phát triển: cảng biển, logistics, lắp ráp ô tô, công nghiệp công nghệ cao, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp.

- Vùng sinh thái phía Tây là nơi phát triển các hoạt động kinh tế dưới tán rừng, nông nghiệp hữu cơ và du lịch gắn với rừng. Định hướng phát triển kinh tế cửa khẩu và du lịch sinh thái cộng đồng.

- Vùng sinh thái phía Tây và phía Nam là nơi phát triển các hoạt động kinh tế dưới tán rừng, nông nghiệp hữu cơ và du lịch gắn với rừng. Định hướng phát triển kinh tế dưới tán rừng, nông nghiệp (sâm, nấm, dược liệu), du lịch chữa lành gắn với rừng.

2. Các hành lang kinh tế

Gồm 02 hành lang kinh tế chính và 02 hành lang an sinh.

Hình thành, phát triển tuyến đô thị phía Đông nhằm kết nối khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ven biển và ga đường sắt cao tốc/CBD mới, gia tăng các hoạt động kinh tế xã hội khai thác tiềm năng đầm phá, đồng thời làm tuyến cứu hộ trong trường hợp ngập lụt. Tuyến đô thị phía Đông và Quốc lộ 1A tạo thành

hành lang kinh tế Bắc - Nam mang tính chủ chốt. Quốc lộ 49 là hành lang kinh tế Đông - Tây chính của thành phố.

Đường ven biển và Quốc lộ 14: 2 hành lang an sinh và an ninh quốc phòng đồng thời thúc đẩy du lịch và thương mại ở những khu vực xa trung tâm.”.

5. Sửa đổi, bổ sung mục V như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phát triển hệ thống đô thị

Quy hoạch không gian đô thị Huế được xác định là tập hợp đô thị đặc trưng về di sản văn hóa và cảnh quan thiên nhiên có liên quan mật thiết với Cố đô Huế (như núi Kim Phụng, núi Duệ Sơn, Làng Cổ Phước Tích, Phá Tam Giang, đầm Cầu Hai, núi Bạch Mã, Hải Vân Quan, cửa biển Tư Hiền,...). Các cơ sở hạ tầng quan trọng của cấu trúc đô thị được hình thành, các vùng kết nối với thành phố thành một thể thống nhất, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ, hợp lý giữa thành thị và nông thôn phù hợp với tiềm năng, lợi thế và đặc thù riêng có của thành phố Huế.

Mô hình đô thị đặc trưng về di sản hướng tới bảo tồn các yếu tố cốt lõi của không gian di sản Cố đô Huế đồng thời mở ra các hướng phát triển mới, hình thành tập hợp các đô thị chuyên đề có khả năng liên kết và sức cạnh tranh cao, với các không gian trung tâm có tính chất quy tụ, đa chiều, hướng biển, lấy đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, Sông Hương và các chi lưu làm trục cảnh quan chủ đạo.

Thành phố Huế là đô thị loại I, phát triển hệ thống đô thị theo hướng bền vững, cụm đô thị động lực thích ứng với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu; gắn với các hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông -Tây, đóng vai trò trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, du lịch, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, trở thành không gian động lực về công nghiệp, dịch vụ, đô thị và du lịch.

Hoàn thiện cấu trúc không gian hệ thống đô thị; phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị. Hình thành 03 cụm đô thị động lực quy mô lớn, bao gồm: cụm đô thị trung tâm (đô thị lõi), cụm đô thị Phong Điền và cụm đô thị Chân Mây.

(i) *Cụm đô thị trung tâm* giữ vai trò là đô thị hạt nhân, vùng động lực phát triển của thành phố Huế, gồm các đơn vị hành chính cấp xã: Kim Long, Thủy Xuân, An Cựu, Thuận Hóa, Vỹ Dạ, Hương An, Phú Xuân, Dương Nỗ, Hóa Châu, Thuận An, Mỹ Thượng, Phú Bài, Thanh Thủy, Hương Thủy, Hương Trà, Kim Trà, Bình Điền.

(ii) *Cụm đô thị Phong Điền* giữ vai trò phát triển gắn với Khu công nghiệp Phong Điền, là “cửa ngõ” phía Bắc kết nối với tỉnh Quảng Trị; là “cửa ngõ” phía Tây kết nối với Lào và các nước tiểu vùng sông Mê Kông, gồm các phường: Phong Điền, Phong Thái, Phong Dinh, Phong Phú và Phong Quảng.

(iii) *Cụm đô thị Chân Mây* giữ vai trò phát triển đô thị cảng và du lịch, là “cửa ngõ” phía Nam kết nối với thành phố Đà Nẵng và các tỉnh thuộc vùng động lực miền Trung, bao gồm các xã: Chân Mây – Lăng Cô, Phú Lộc và Vinh Lộc.

Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình cụm đô thị động lực gắn với các đô

thị quy mô nhỏ đến trung bình, bao gồm: A Lưới 2, Khe Tre, Bình Điền,...; bảo đảm cân bằng giữa ven biển, đồng bằng, miền núi, giữa các cực phát triển lớn với các trung tâm hỗ trợ vùng nông thôn, miền núi và biên giới.

Phát triển hệ thống đô thị loại I, II, III theo mô hình đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc, phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng đất hiệu quả gắn với hạ tầng giao thông công cộng, phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia và đặc thù địa hình hẹp ngang, ven biển. Gắn kết chặt chẽ phát triển đô thị với tái cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược (quốc lộ 1A, cao tốc Bắc - Nam, đường sắt tốc độ cao, đường ven biển, các trục Đông - Tây, Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu công nghiệp Phong Điền,...), bảo tồn di sản văn hóa và cảnh quan sinh thái; xây dựng các đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu.

Phát triển đô thị mới tại các phường, xã của thành phố, đến năm 2030 có 22 phường (nâng xã Chân Mây Lăng Cô), phân đấu nâng xã Quảng Điền và xã A Lưới 2 lên phường. Xây dựng và phát triển đô thị có 12 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II (nâng cấp các phường: Thanh Thủy, Phú Bài và Hương Thủy và Thuận An từ mức trình độ phát triển đô thị loại III lên loại II) và 12 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại III (trong đó phân đấu Quảng Điền và A Lưới 2 đạt trình độ phát triển đô thị loại III).

Đến năm 2030, hệ thống đô thị toàn thành phố gồm:

- Thành phố Huế là đô thị loại I; theo đơn vị hành chính cấp xã có 22 đơn vị hành chính đạt trình độ phát triển đô thị loại II và loại III (12 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II và 10 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại III); phân đấu 02 xã (Quảng Điền, A Lưới 2) đạt trình độ phát triển đô thị loại III.

- Phân đấu có 02 đô thị loại II (liên phường) là khu vực đô thị trung tâm (gồm các phường: Kim Long, Thủy Xuân, An Cựu, Thuận Hóa, Võ Dạ, Hương An, Phú Xuân, Dương Nỗ và Thuận An) và khu vực đô thị Hương Thủy (gồm các phường: Thanh Thủy, Phú Bài và Hương Thủy).

- 13 đô thị loại III là khu vực đô thị Hương Trà (gồm các phường, xã: Hương Trà, Kim Trà và Bình Điền), khu vực đô thị Phong Điền (gồm các phường: Phong Điền, Phong Thái, Phong Dinh, Phong Phú và Phong Quảng), đô thị Hóa Châu, đô thị Mỹ Thượng, đô thị Chân Mây – Lăng Cô, đô thị Quảng Điền, đô thị A Lưới 2, các đô thị thuộc các xã gồm: Vinh Thanh, Phú Đa, Lộc Sơn, Khe Tre, Phú Lộc, Vinh Hiền.

Sau năm 2030, phát triển các xã: Phú Hồ, Phú Vinh, Phú Vang, Hưng Lộc, Khe Tre đạt trình độ phát triển đô thị loại III; phân đấu nâng cấp khu vực đô thị Hương Trà, khu vực đô thị Phong Điền, khu vực đô thị Chân Mây (gồm xã Chân Mây – Lăng Cô, xã Vinh Lộc và xã Phú Lộc) đạt trình độ phát triển đô thị loại II; khu vực đô thị A Lưới (gồm xã A Lưới 2 và xã A Lưới 3); mở rộng khu vực đô thị trung tâm đến phường Hóa Châu, phường Mỹ Thượng.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đơn vị hành chính cấp xã

Thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15, sau khi sắp xếp, thành phố Huế có 40 đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

- 21 phường: Kim Long, Hương An, Phú Xuân, Võ Dạ, Thuận Hóa, An Cựu, Thủy Xuân, Dương Nỗ, Thuận An, Hóa Châu, Mỹ Thượng, Thanh Thủy, Hương Thủy, Phú Bài, Phong Điền, Phong Thái, Phong Dinh, Phong Phú, Phong Quảng, Hương Trà, Kim Trà.

- 19 xã: Đan Điền, Quảng Điền, Bình Điền, Phú Vinh, Phú Hồ, Phú Vang, Vinh Lộc, Hưng Lộc, Lộc An, Phú Lộc, Chân Mây - Lăng Cô, Long Quảng, Nam Đông, Khe Tre, A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5.

Đến năm 2030 thành phố có 22 phường (nâng xã Chân Mây Lăng Cô), phần đầu nâng xã Quảng Điền và Xã A Lưới 2 lên phường, chiếm tỷ lệ từ 55-60%.

Sau năm 2030, thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo đề án của cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

c) Bổ sung một số nội dung khoản 4 như sau:

“4. Phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp; cụm công nghiệp

Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả, sinh thái, thân thiện với môi trường, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chú trọng đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động.

a) Phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô là động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội của thành phố, trong đó ưu tiên phát triển sớm hình thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế, Khu thương mại tự do. Khuyến khích phát triển các ngành kinh tế biển có giá trị gia tăng cao như du lịch biển, phát triển cơ khí, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch, chế biến thủy hải sản, công nghiệp công nghệ cao, gắn với trung tâm dịch vụ cảng và du lịch quốc tế; nuôi trồng và khai thác hải sản.

b) Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu gắn với khu công nghiệp Phong Điền, khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, đẩy mạnh hợp tác trên hành lang kinh tế Đông - Tây, phát triển thương mại, xuất nhập khẩu qua khu kinh tế cửa khẩu A Đớt.

c) Phát triển các khu công nghiệp chuyên ngành, tổ hợp công nghiệp chuyên sâu với quy mô hợp lý; ưu tiên phát triển các mô hình khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ; khuyến khích mở rộng không gian công nghiệp được liệu, tiểu thủ công nghiệp về phía Tây.

d) Tổ chức không gian công nghiệp theo hướng tập trung, quy mô đủ lớn, có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng bảo vệ môi trường hiệu quả gắn với các hành

lang giao thông chiến lược. Hạn chế việc hình thành mới các cụm công nghiệp nhỏ lẻ ở cấp xã, phường; sắp xếp, chuyển đổi một số cụm công nghiệp ở vị trí thuận lợi.”.

d) Bổ sung một số nội dung khoản 5 như sau:

“5. Khu chức năng khoa học công nghệ

Xây dựng thành phố Huế trở thành trung tâm lớn của vùng, cả nước về phát triển công nghệ cao, công nghiệp công nghệ số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là đầu mối liên kết của vùng với các vùng kinh tế khác của cả nước. Ưu tiên xây dựng 01 khu công nghệ cao, xây dựng 05 khu công nghệ số tập trung và xây dựng 01 khu đô thị khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.”.

đ) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:

“9. Khu thương mại tự do

Hình thành xây dựng Khu thương mại tự do tại xã Chân Mây - Lăng Cô, xã Phú Lộc, xã Vinh Lộc, khu công nghiệp La Sơn, khu công nghiệp Phú Bài.”.

6. Sửa đổi, bổ sung mục VI như sau:

a) Bổ sung một số nội dung khoản 1 như sau:

“1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

Phát triển mạng lưới giao thông thành phố đồng bộ, hiện đại, phù hợp các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng bảo đảm kết nối hiệu quả nội vùng, liên vùng và quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ, đường sắt, đường thủy nội địa quốc gia, hàng hải, cảng hàng không, cảng cạn được thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt.

- Ưu tiên triển khai tuyến La Sơn – Chân Mây; bổ sung tuyến cao tốc tiềm năng Huế - A Lưới song song với Quốc lộ 49; nâng cấp, mở rộng tuyến đường Hồ Chí Minh kết nối cửa khẩu A Đớt, Hồng Vân.

- Phát triển đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam và hệ thống các ga Mỹ Thượng, Chân Mây Lăng Cô.

- Xây dựng nhà ga trung tâm qua thành phố Huế tại vị trí phù hợp trở thành đầu mối giao thông công cộng, kết nối hệ thống đường hàng không, đường sắt đô thị và đường bộ. Phát triển tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đoạn qua thành phố Huế, gắn kết với liên vùng.

- Xây dựng Bến số 1 (04 cầu cảng, trong đó đến năm 2030 là 02 cầu cảng) và bến số 2 (08 cầu cảng, trong đó đến năm 2030 là 04 cảng) thuộc Khu bến Phong Điền; đầu tư xây dựng bến số 6, 7, 8 Khu bến Chân Mây theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cải tạo nâng cấp, kéo dài đường cát hạ cánh số 1 hiện có của Cảng hàng

không Quốc tế Phú Bài, đường lãn song song và xây dựng các đường lãn nối theo quy hoạch đảm bảo khai thác an toàn, ổn định lâu dài. Ưu tiên đầu tư đường cất hạ cánh số 2 trước năm 2030 theo Quy hoạch Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”.

b) Bổ sung một số nội dung khoản 2 như sau:

“2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện và năng lượng

Hoàn thiện mạng lưới điện trên địa bàn thành phố đồng bộ, hiện đại theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp, đô thị và kinh tế biển của thành phố.

Định hướng phát triển điện rác tại Khu xử lý Hương Bình, mở rộng khu xử lý rác Phú Sơn,... và triển khai khi được bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

Phát triển hạ tầng xăng dầu, khí đốt của thành phố theo hướng đồng bộ, an toàn, hiện đại và bền vững, bảo đảm đáp ứng nhu cầu năng lượng cho sản xuất công nghiệp, logistics, giao thông vận tải và dân sinh góp phần bảo đảm an ninh năng lượng và quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

Giai đoạn 2026-2030, ưu tiên nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống kho, cảng, tuyến ống và cơ sở phân phối xăng dầu, khí đốt, gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp và hệ thống cảng biển; tổ chức không gian hạ tầng năng lượng phù hợp đặc thù đô thị cảng, bảo đảm khoảng cách an toàn và hạn chế tác động đến môi trường, khu dân cư.

Phát triển hạ tầng kho dự trữ, kho LNG tại khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô, đáp ứng yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý, giám sát an toàn và kiểm soát môi trường.”.

c) Bổ sung một số nội dung khoản 3 như sau:

“3. Phương án phát triển hạ tầng số, chuyển đổi số

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, truyền thông, hạ tầng số, nền tảng số; trí tuệ nhân tạo (AI); mạng kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế, xã hội số; ứng dụng IoT vào quản lý, giải quyết các mục tiêu về phát triển và quản lý hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng đô thị). Hoàn thiện hạ tầng đô thị thông minh; chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực trở thành phương thức cốt lõi để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng Huế-S thành nền tảng phổ biến trong kết nối hệ sinh thái xã hội số trên địa bàn thành phố. Sớm hình thành Trung tâm dữ liệu lớn (BigData).

Tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin, ưu tiên phát triển mạng băng rộng cố định và di động thế hệ mới, mạng truyền dẫn dung lượng lớn, độ tin cậy cao; bảo đảm kết nối thông suốt trên toàn thành phố.

Hoàn thiện trung tâm dữ liệu thành phố, vận hành an toàn, liên thông, đáp

ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu quy mô lớn; Xây dựng mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị, trong đó Trung tâm Dữ liệu thành phố và nền tảng điện toán đám mây của Trung tâm Dữ liệu thành phố giữ vai trò hạ tầng trung tâm, cung cấp tập trung, thống nhất, hiệu năng cao các tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu dự phòng và bảo đảm an ninh, an toàn cấp độ cao cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của toàn bộ hệ thống chính trị. Triển khai lộ trình từng bước tập trung hệ thống máy chủ, hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu về các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn theo hướng của quốc gia”.

(Chi tiết theo Phụ lục XXIII).”.

d) Bổ sung một số nội dung khoản 4 như sau:

“4. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Giai đoạn 2021 - 2030 thành lập 11 đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn (ưu tiên tại các địa bàn có khu công nghiệp, khu kinh tế hoặc đô thị tập trung đông dân cư, có trụ sở của các cơ quan Đảng, nhà nước cấp tỉnh trở lên). Xây dựng trụ sở các Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn tại các xã, phường đảm bảo đủ diện tích, xây dựng các công trình theo quy định.

Rà soát, quy hoạch, lắp đặt bổ sung trụ cấp nước chữa cháy ngoài nhà tại khu dân cư trong đô thị; khu đô thị; khu nhà ở; khu công nghiệp; cụm công nghiệp; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục, thể thao đảm bảo khoảng cách theo quy định; 100% các đường giao thông quy hoạch đảm bảo yêu cầu phục vụ phòng cháy chữa cháy.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 5 như sau:

“5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phát triển mạng lưới thủy lợi

Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nước theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Vận hành, sử dụng tổng hợp nguồn nước hợp lý, tiết kiệm nguồn nước ở các hồ chứa thượng nguồn, các lưu vực sông Bồ, sông Hương, sông Truồi và sông Bồ Lu đã được xây dựng kết hợp nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới hệ thống đê, đập ngăn mặn giữ ngọt ở hạ lưu.

Xây dựng mới hồ chứa Ô Lâu Thượng, hồ chứa Thủy Cam đầu nguồn để chủ động tưới tiêu cho nông nghiệp, phục vụ công tác điều tiết nước khi có lũ, cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất; nâng cao trình tích nước hồ Tả Trạch; nâng cấp, cải tạo các đập, hồ chứa nước thủy lợi lớn, vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố nhằm đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước; tiếp tục đầu tư, nâng cấp, phát triển hệ thống các công trình thủy lợi nội đồng trên địa bàn thành phố như kênh mương, trạm bơm, đập dâng, đê bao nội đồng, cống điều tiết,... và đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phát triển nông nghiệp với loại hình ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị sinh thái; phát triển hệ thống tưới hiện đại, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện năng.

Xây dựng các hệ thống cấp nước, dẫn nước liên vùng: Nghiên cứu chuyển nước cho vùng ven biển phía Bắc; nghiên cứu chuyển nước từ hồ Tả Trách, hồ Truồi tạo nguồn cho vùng đồng bằng Nam Sông Hương kết hợp xây dựng công trình chuyển nước từ sông Thiệu Hoá - Đại Giang qua Phá Tam Giang tạo nguồn cho vùng cát vùng ven biển Phú Vang, Phú Lộc (cũ); nghiên cứu giải pháp sử dụng nước Hồ Truồi liên kết với hồ Thủy Yên; xây dựng tuyến ống chuyển nước từ hồ Truồi sang vùng Chân Mây – Lăng Cô để cấp nước Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đê Tây phá Tam Giang, Đông phá Tam Giang, Tây phá Cầu Hai, Đông phá Cầu Hai và các tuyến đê Đông, Tây sông Ô Lâu, đê vùng cửa sông,...; mở rộng các cống điều tiết trên Đê và nạo vét, quản lý chống lấn chiếm các trục thủy đạo nằm phía sau các cống trên đê ven đầm phá Tam giang - Cầu Hai; nạo vét, chỉnh trang, gia cố, khơi thông dòng chảy các tuyến sông, hới trên địa bàn thành phố ở vùng hạ lưu sông Ô Lâu, sông Bồ, sông Hương, sông Nong, sông Truồi, sông Cầu Hai, sông Bồ Lu, sông Thừa Lưu,...; mở mới các kênh thoát lũ để tăng khả năng thoát nước, giảm thời gian ngập lụt.

b) Phát triển hệ thống cấp nước

Phát triển hạ tầng cấp - thoát nước đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, công nghiệp và bảo vệ môi trường; ưu tiên xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

(Chi tiết theo Phụ lục XXIV)".

e) Bổ sung một số nội dung điểm c khoản 5 như sau:

“ c) Phát triển hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom, xử lý nước thải

Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo trên 30% nước thải đô thị loại III trở lên được thu gom, xử lý tập trung đạt QCVN; 100% khu công nghiệp đang hoạt động (có nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn; 95% chất thải rắn trong khu công nghiệp được thu gom.”.

7. Sửa đổi, bổ sung mục VII như sau:

a) Bổ sung một số nội dung khoản 2 như sau:

“2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo. Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống giáo dục phổ thông, 05 trường phổ thông nội trú liên cấp miền núi (tiểu học và trung học), 01 trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường mầm non, phổ thông phục vụ di dời dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phương án phát triển hạ tầng y tế

Phát triển Đại học Y dược Huế theo mô hình “Trường - Viện” cấp quốc gia và hướng tới đạt chuẩn quốc tế, cùng với Bệnh viện Trung ương Huế trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyển giao công nghệ về y tế của cả nước và quốc tế.

Xây dựng Trung tâm xạ trị Proton, Khu Trung tâm y tế công nghệ cao, Khu Y tế nghỉ dưỡng kết hợp khám chữa bệnh. Phát triển hình thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cấp vùng. Phát triển Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, cấp vùng, Trung tâm cứu hộ cứu nạn khu vực miền Trung.

Phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống dịch vụ phục hồi chức năng; kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập; thu hút đầu tư các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa chất lượng cao; Hình thành các trung tâm chăm sóc sức khỏe tạo điểm đến hấp dẫn thu hút khách du lịch, thúc đẩy phát triển ngành y tế trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương.”.

c) Bổ sung một số nội dung khoản 4 như sau:

“4. Phương án phát triển hạ tầng khoa học công nghệ

Tập trung xây dựng các thiết chế khoa học công nghệ: Khu công nghệ số tập trung (dự kiến 05 khu); Khu đô thị khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Phòng nghiên cứu, thí nghiệm dùng chung (dự kiến 10 phòng) tạo nền tảng vật chất – kỹ thuật để đưa thành phố Huế xứng tầm là trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

Đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở điều dưỡng, chăm sóc người có công, người cao tuổi, các cơ sở trợ giúp xã hội. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. Đầu tư xây mới cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi chất lượng cao, chuyên nghiệp; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp vùng; cơ sở chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và rối nhiễu tâm trí cấp vùng; cơ sở cai nghiện ma túy công lập cấp vùng.

Mở rộng hướng cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội chuyển dần cho khu vực tư nhân các cơ sở trợ giúp người cao tuổi, cơ sở nuôi dưỡng người khuyết tật, cơ sở nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng. Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, doanh nghiệp vào triển khai các hoạt động bảo trợ xã hội, trẻ em mồ côi, người khuyết tật, phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi. Bố trí quỹ đất phù hợp xây dựng trung tâm giáo dưỡng, viện dưỡng lão.”.

8. Sửa đổi, bổ sung mục VIII như sau:

“VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, đảm bảo nhu cầu sử

dụng đất của các ngành, lĩnh vực; đơn vị hành chính cấp xã phù hợp với tiềm năng đất đai, nguồn lực đầu tư, lao động và hạ tầng kỹ thuật của thành phố; phát huy hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với định hướng sử dụng đất trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.”.

9. Sửa đổi, bổ sung mục X như sau:

a) Bổ sung một số nội dung điểm c, d, đ và e khoản 1 như sau:

“c) Các trạm, điểm quan trắc môi trường

Hoàn thiện mạng lưới quan trắc các thành phần môi trường phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có, xây dựng mới và bố trí mạng lưới quan trắc môi trường đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả gắn kết chặt chẽ với mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia.

d) Bảo vệ và phát triển rừng

Tập trung phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái; khôi phục rừng đa tầng nguyên sinh tại vùng núi phía Tây (Vườn Quốc gia Bạch Mã và khu vực miền núi); nâng cao chất lượng rừng, kiểm soát khai thác rừng khu vực đầu nguồn, phát triển thị trường tín chỉ carbon.

đ) Các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

Quy hoạch xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung tại các đô thị phù hợp với phân loại đô thị. Xây dựng mới các nghĩa trang phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam.

e) Các khu xử lý chất thải

Đầu tư xây dựng khu xử lý Hương Bình, nâng công suất khu xử lý rác Phú Sơn; xây dựng các trạm thu hồi vật liệu tái chế; sử dụng các mỏ khoáng sản đã đóng cửa làm nơi tập kết chất thải rắn xây dựng.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Thăm dò, khai thác khoáng sản

Thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, bảo đảm nhu cầu hiện tại, có tính đến nhu cầu khoáng sản trong tương lai, không làm ảnh hưởng đến môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh; bảo đảm phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành.

Nghiên cứu, sử dụng các loại vật liệu thay thế cát cho xây dựng: cát lòng hồ thủy điện, cát nội đồng, cát nhân tạo (cát xay), đá mi, cát mặn nếu đạt yêu cầu theo quy chuẩn ngành. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 4 như sau:

“4. Phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai

- Vùng thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng trong bão: Vùng ven biển, đầm phá gồm: Phong Phú, Phong Dinh, Phong Quảng, Thuận An, Mỹ Thượng, Hóa Châu, Quảng Điền, Đan Điền, Phú Hồ Phú Vang, Phú Vinh, Phú Lộc, Vinh Lộc, Lộc An, Hưng Lộc, Chân Mây-Lăng Cô.

- Vùng lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt các lưu vực sông:

Gồm các xã miền núi thượng nguồn sông Hương, sông Bồ chịu tác động của lũ ống, lũ quét gồm: Nam Đông, Khe Tre, Long Quảng, A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5, Phú Bài, Bình Điền, Phong Thái, Phong Điền, Lộc An, Hưng Lộc.

- Vùng ngập lụt nội đồng và hạ du các hồ chứa lớn như Tả Trạch, Bình Điền, Hương Điền,... gồm: các xã, phường còn lại của thành phố Huế.

b) Phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đối với Phương án thoát lũ ở khu vực sông Ô Lâu: (1) Nạo vét, khơi thông, gia cố và chỉnh trang các trục tiêu thoát chính nằm ở hạ lưu sông Ô Lâu nhằm đảm bảo công tác tưới tiêu, tăng khả năng tiêu thoát nước lũ trong vùng, phục vụ giao thông đi lại, hạ thấp mực nước lũ tiểu mãn, lũ sớm giảm thời gian ngập lụt ở vùng hạ lưu sông Ô Lâu; (2) Xây dựng hồ Ô Lâu Thượng trên sông Ô Lâu của thành phố Huế.

- Đối với Phương án thoát lũ ở khu vực phía Bắc thành phố Huế (khu vực hạ lưu sông Bồ): (1) Thực hiện nạo vét, chỉnh trang, gia cố sông, hồi chính; (2) Nạo vét, gia cố các trục thủy đạo phía sau các công trên đê khu vực đầm phá Tam Giang – Cầu Hai.

- Đối với Phương án thoát lũ ở khu vực phía Đông thành phố Huế (ở khu vực hạ lưu sông Hương): Chỉnh trang, nạo vét, mở rộng, nâng cấp các tuyến sông chính, sông nhánh để tăng khả năng thoát nước, giảm thời gian ngập lụt.

- Đối với xây dựng phương án điều tiết, phân lũ từ thượng nguồn sông Hương sang sông Nong và các sông khác: (1) Nạo vét, gia cố chỉnh trang các công trình phía hạ lưu sông Nong (trong đó, thực hiện mở rộng, xây dựng mới các cống nhằm tăng khả năng thoát lũ); (2) Nạo vét, chỉnh trang các trục tiêu thoát lũ ở vùng hạ lưu sông Bồ Lu, sông Truôi, sông Thừa Lưu thuộc xã Chân Mây – Lăng Cô.”.

10. Sửa đổi, bổ sung mục XII như sau:

“XII. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Thực hiện tốt công tác tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá thực hiện Quy

hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm phát huy hiệu quả quy hoạch được phê duyệt; kịp thời rà soát, điều chỉnh, tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Rà soát, kiến nghị, đề xuất Quốc hội cho phép bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù mới, có tính vượt trội tạo động lực, thúc đẩy phát triển thành phố Huế, phát huy vai trò động lực của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

Hoàn thiện chính sách quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả, đặc biệt trong khai thác và phát huy giá trị các di sản. Tháo gỡ kịp thời các “điểm nghẽn”, giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, vướng mắc dẫn đến các nguồn lực chậm đưa vào sử dụng.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển không gian đô thị văn hóa, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Nghiên cứu ban hành và triển khai thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù tập trung vào các ngành, lĩnh vực: đầu tư - đô thị - đất đai - môi trường; tài chính - ngân sách; bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Có chính sách ưu đãi để phát triển mạnh kinh tế tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực có lợi thế của thành phố Huế. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng chợ.

2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư về mặt bằng, về vốn, về nhân lực, thúc đẩy tăng nhanh số lượng doanh nghiệp. Tập trung tháo gỡ khó khăn trong các thủ tục thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; kiên quyết thu hồi các dự án chậm hoặc không có khả năng triển khai thực hiện. Tăng cường thu hút đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài, kêu gọi được một số nhà đầu tư lớn để tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, thông minh, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, liên vùng: hoàn thành đầu tư tuyến đường bộ ven biển, cao tốc nối với các tỉnh, thành phố; kết nối các hành lang kinh tế, đặc biệt là tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây (nâng cấp mở rộng các quốc lộ, đường Hồ Chí Minh, cảng biển, sân bay nhằm kết nối các tỉnh, thành phố vùng động lực miền Trung và Tây Nguyên với các nước Lào, Myanmar, Thái Lan); hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch, dịch vụ, hạ tầng logistics, hạ tầng chuyển đổi số, hạ tầng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, hạ tầng khu công nghệ cao, hạ tầng các khu công nghiệp.

Xây dựng mô hình bảo tồn bền vững Quần thể di tích Cố đô Huế trở thành hạt nhân, động lực trong thực hiện chiến lược phát triển đô thị đặc trưng về di sản, ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế di sản gắn với phát triển du lịch, chuyển hóa

không gian di sản trở thành động lực tăng trưởng mới. Phát triển không gian đô thị văn hóa, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, giải trí trên nền tảng chuyển đổi số và các ngành kinh tế sáng tạo như: điện ảnh, âm nhạc, phim trường, thời trang, mỹ thuật, ẩm thực, kinh tế đêm.

Thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học, bệnh viện và các cơ sở cung cấp dịch vụ công; đồng thời khuyến khích huy động thêm các nguồn vốn xã hội, đối tác công - tư (PPP) tham gia đầu tư.

Sắp xếp đưa vào sử dụng hợp lý, hiệu quả các tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư, không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Ban hành chính sách ưu đãi để thu hút, đãi ngộ, sử dụng chuyên gia, nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số ngành như: công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin, kỹ thuật điện tử và công nghệ kỹ thuật số, y tế, văn hóa, nghệ thuật đặc thù, bảo tồn di sản...

Hỗ trợ, tạo điều kiện để Đại học Huế đẩy mạnh liên kết nâng cao chất lượng và mở mới các ngành nghề đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Huế. Phát triển Trung tâm Công nghệ thông tin, Khu Công nghệ thông tin tập trung của Thành phố, Trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia khu vực miền Trung, Khu Công nghệ cao và một số cơ sở đào tạo ngoài công lập là hạt nhân đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học - công nghệ. Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành nghề đào tạo đạt trình độ tương đương khu vực và thế giới; đầu tư nguồn lực hình thành 01 đến 02 trường cao đẳng chất lượng cao, gắn với liên kết đào tạo các chứng chỉ, bằng cấp đạt chuẩn khu vực, quốc tế.

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của hệ thống chính trị thực sự tiêu biểu, nhất là những người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức các xã, phường đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước. Chú trọng phát hiện và có chính sách đặc biệt để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc.

Thiết lập và vận hành tốt hệ thống thông tin dự báo nhu cầu nguồn nhân lực làm cơ sở đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực khoa học - kỹ thuật - công nghệ, nhân lực bảo tồn di sản văn hóa. Từng bước hình thành trung tâm đào tạo nhân lực bảo tồn di sản quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu

nguồn nhân lực; thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua liên kết với các cơ sở giáo dục; có cơ chế khuyến khích thu hút chuyên gia, nhà khoa học, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao tri thức góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh của thành phố.

4. Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ

a) Giải pháp về bảo vệ môi trường

Thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách và biện pháp quản lý, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức để các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương.

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, khoáng sản và tiềm năng năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, sinh khối); nâng cao năng lực dự báo, quan trắc, giám sát môi trường, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, nhất là tại các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển, khu đô thị, khu du lịch và khu vực ven biển, đầm phá.

Tăng cường quản lý tập trung, đồng bộ đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế, áp dụng các công nghệ xử lý tiên tiến, thân thiện môi trường; thúc đẩy phân loại rác tại nguồn, khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và xử lý chất thải hữu cơ tại nguồn với quy mô phù hợp ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng ven biển chưa có hệ thống quản lý chất thải tập trung, gắn với phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong cộng đồng.

b) Giải pháp về khoa học và công nghệ

Tập trung xây dựng các thiết chế khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành, lĩnh vực, tạo đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển hạ tầng số; nền tảng số; trí tuệ nhân tạo (AI); Internet vạn vật (IoT); hình thành Trung tâm dữ liệu lớn. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng y học, dược học, vật tư - trang thiết bị, tiến tới xây dựng chuỗi nghiên cứu - ứng dụng - sản xuất tạo ra sản phẩm có giá trị cao.

Phát triển dịch vụ đô thị thông minh phổ biến toàn diện trong tất cả các ngành, các lĩnh vực; chuyển đổi phương thức quản lý nhà nước, điều hành xã hội theo mô hình “Điều hành trực tuyến bằng dữ liệu số”. Nâng cấp ứng dụng Hue-S trở thành nền tảng số đặc thù của Thành phố; kết nối hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Liên kết, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, kết nối cung - cầu công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh; tạo

lập và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của từng địa phương. Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tăng cường gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu công nghiệp, khu kinh tế, doanh nghiệp trên địa bàn.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Liên kết vùng Bắc Trung bộ, Vùng động lực miền Trung và các địa phương trong cả nước. Định vị thành phố Huế là cửa ngõ cảng biển hành lang kinh tế đông tây và trung tâm logistics quốc tế; thúc đẩy chuyên môn hóa theo chuỗi sản xuất - logistics - tiêu thụ. Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, gắn với Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước. Tăng cường hợp tác với Hà Nội, Hồ Chí Minh về khoa học - công nghệ, đào tạo nhân lực và đổi mới sáng tạo.

Tăng cường liên kết nội bộ thành phố theo mô hình chùm đô thị, cụm ngành và chuỗi giá trị, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với khu vực FDI, liên kết giữa khu vực nghiên cứu - đào tạo và sản xuất.

Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nhất là với các quốc gia, các tập đoàn kinh tế lớn, các thành phố kết nghĩa trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển, quản lý đô thị, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, quản trị, quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn; rà soát, bổ sung hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch và thiết kế đô thị, điểm dân cư nông thôn theo hướng cập nhật các xu thế mới như tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kiểm soát phát triển không gian đô thị theo hướng nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển; thực hiện tiếp cận tổng thể, đa ngành trong quản lý xây dựng ở cấp cơ sở, gắn quản lý trật tự xây dựng với quy hoạch thoát lũ, tiêu úng, bảo vệ hành lang sông suối, đầm phá, vùng cát ven biển.

7. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, thường xuyên giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch chung thành phố, quy hoạch chung các phường, xã, quy hoạch phân khu và các quy hoạch có chi tiết ngành đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Đổi mới công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ

năng lực đáp ứng được yêu cầu với cơ chế quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công Quy hoạch.”.

11. Sửa đổi, bổ sung mục XIII như sau:

“XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XXII.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Phụ lục như tại Phụ lục kèm theo Quyết định này như sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I
- b) Sửa đổi bổ sung Phụ lục II
- c) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục III
- d) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV
- đ) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục VII
- e) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục XI
 - Sửa đổi, bổ sung điểm A
 - Sửa đổi, bổ sung điểm B
 - Điều chỉnh một số nội dung điểm C
 - Bổ sung điểm D sau điểm C
- g) Bổ sung một số nội dung Phụ lục XII
- h) Sửa đổi, bổ sung điểm A Phụ lục XIII
- i) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục XV
- k) Điều chỉnh một số nội dung Phụ lục XVI
- l) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục XVIII
- m) Sửa đổi, bổ sung điểm C Phụ lục XIX
- n) Sửa đổi, bổ sung điểm B Phụ lục XX
- o) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục XXII
- p) Bổ sung Phụ lục XXIII và XXIV vào sau Phụ lục XXII

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

13. Bãi bỏ mục IX.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- 1. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm

nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch ngành và quy hoạch chi tiết ngành và triển khai các thủ tục đầu tư dự án có liên quan trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác các nội dung thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; các phụ lục ban hành theo Quyết định này, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

3. Giao trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan

- Tổ chức công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Rà soát, điều chỉnh hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch thành phố bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Quy hoạch thành phố Huế; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch thành phố, rà soát điều chỉnh Quy hoạch thành phố theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Trong quá trình triển khai, thực hiện Quy hoạch, trường hợp có nội dung mâu thuẫn với quy hoạch cấp cao hơn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Các Sở, ban ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết ngành (nếu có), kế hoạch triển khai thực hiện ngành, lĩnh vực đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch thành phố.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Các địa danh hành chính nêu tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ được cập nhật đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong quá trình tổ chức triển khai các nội dung/chương trình/dự án cụ thể. Các nội dung không điều chỉnh được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ, ngành Trung ương (báo cáo);
- TT Thành uỷ, HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQ thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Đảng uỷ UBND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành;
- Đảng uỷ, UBND các xã, phường;
- CVP, PCVP UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, QHXT.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Khắc Toàn**